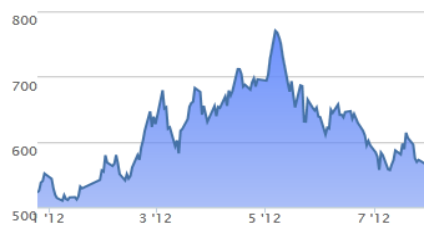


DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	787.07	↑ 1.04	↑ 0.13
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	681.72	↑ 4.05	↑ 0.6
PVN ALLSHARE	663.63	↑ 3.75	↑ 0.57
PVN ALLSHARE HNX	565.83	↑ 1.87	↑ 0.33
PVN ALLSHARE HSX	714.53	↑ 4.5	↑ 0.63
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1055.07	↓ -8.7	↓ -0.82
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	845.07	↓ -7.04	↓ -0.83
PVN Tài Chính	591.66	↑ 5.09	↑ 0.87
PVN Công Nghiệp	471.23	↑ 0.22	↑ 0.05
PVN Dầu Khí	635.38	↑ 5.3	↑ 0.84
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	737.69	↑ 3.72	↑ 0.51

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rô chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	415.00 ↑	1.84	0.45%
KLGD (triệu ck)	26.69 ↓	-11.66	-30.39%
GTGD (tỷ đồng)	461.76 ↓	-158.42	-25.54%
Tổng cung (triệu ck)	90.95 ↓	-46.09	-33.63%
Tổng cầu (triệu ck)	107.46 ↓	-31.37	-22.59%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.50 ↓	-0.99	-39.73%
KL bán (triệu ck)	1.44 ↓	-0.21	-12.54%
Giá trị mua (tỷ đồng)	63.10 ↓	-9.42	-12.99%
Giá trị bán (tỷ đồng)	54.87 ↓	-24.81	-31.14%

Nhận định thị trường:

Thống đốc Nguyễn Văn Bình cho biết nếu lạm phát cả năm 2012 được khống chế ở mức 7% thì có thể cuối năm lãi suất huy động chỉ còn 8%/năm. Còn nền kinh tế phát triển ổn định, lạm phát được khống chế thì giữa năm sau lãi suất huy động có thể còn 7%/năm, lúc đó lãi suất cho vay sẽ ở mức 10%/năm.

Theo khảo sát của Sở Công thương Hà Nội, giá các nhóm hàng tiêu dùng thiết yếu sẽ cơ bản ổn định trong thời gian tới. Dự báo, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Hà Nội trong tháng 8 sẽ tăng nhẹ ở mức 0,03% so với tháng 7.

Cập nhật kết quả kinh doanh và thông tin doanh nghiệp đáng chú ý:

- Lũy kế 6 tháng đầu năm, TCT lãi 42,59 tỷ đồng, tăng 29% so với 6 tháng năm 2011. So với quy mô vốn gần 32 tỷ đồng, TCT đạt EPS 6 tháng đạt 13.323 đồng.
- CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (mã CK: NBP): Lũy kế 6 tháng đầu năm 2012, doanh thu thuần đạt 344,13 tỷ đồng tăng 11% so với cùng kỳ; LNST đạt 34,6 tỷ đồng cao gấp gần 10 lần nửa đầu năm 2011. Theo giải trình, có được LN đột biến là do NBP hạch toán toàn bộ khoản chênh lệch giá bán điện mới năm 2012 (sau khi tăng) với giá hợp đồng cũ vào báo cáo 6 tháng.
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (PVG)-công ty mẹ: Doanh thu thuần quý II đạt 1.026,16 tỷ đồng, LNST của riêng quý II đạt 9,72 tỷ đồng, tăng 38,46% so với quý II năm 2011.
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sài Gòn (TRI) tổ chức ĐHCĐ bất thường vào ngày 24/08, bàn về việc giải thể Công ty, bầu ban thanh lý chịu trách nhiệm về việc giải thể và thu hồi cổ phiếu của các cổ đông nhỏ.

Tin hiệu đáng chú ý trong phiên giao dịch đầu tuần là mặc dù chỉ số hai sàn có sự phục hồi nhẹ nhưng thanh khoản khớp lệnh lại tiếp tục sụt giảm. Điều này thể hiện một đặc trưng của thị trường yếu, cho thấy dòng tiền tham gia thị trường không sẵn sàng giải ngân lên mức giá cao, đồng thời tâm lý thị trường chưa có thay đổi nào tích cực. Theo đó, trong khoảng giới hạn dao động 392 – 430 điểm của VN-index và 65 – 72 điểm của HNX-Index thì khả năng giảm điểm trong ngắn hạn của thị trường vẫn có xác suất xảy ra tương đối cao.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.45 ↑	0.10	0.14%
KL.GD (triệu ck)	25.10 ↓	-15.66	-38.42%
GTGD (tỷ đồng)	248.24 ↓	-121.51	-32.86%
Tổng cung (triệu ck)	40.48 ↓	-26.13	-39.23%
Tổng cầu (triệu ck)	46.32 ↓	-9.58	-17.14%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.44 ↓	-0.49	-52.91%
KL bán (triệu ck)	0.54 ↓	-0.77	-58.76%
Giá trị mua (tỷ đồng)	4.97 ↓	-7.85	-61.23%
Giá trị bán (tỷ đồng)	6.63 ↓	-11.02	-62.43%



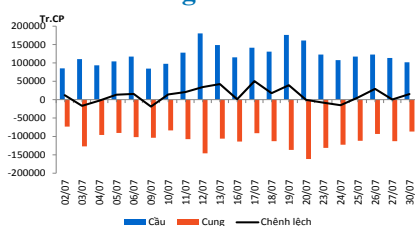
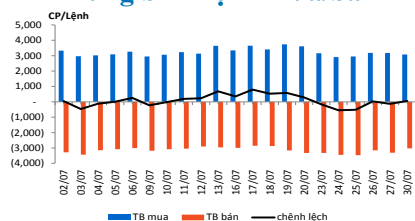
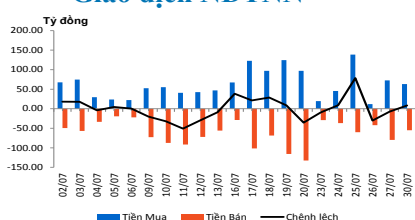
Đồ thị HNX-Index.

Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: HNX-index dao động trong vùng 65 – 72 điểm. Trạng thái hiện tại cho thấy xác suất của chu kỳ dao động theo chiều giảm vẫn đang chiếm ưu thế.

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HNX giảm nhanh và mạnh. Chỉ mất 3 phiên giảm, thanh khoản đã tụt xuống vùng dưới 35 triệu đơn vị/phiên, đang ở mức thấp hơn thanh khoản bình quân 10 phiên gần nhất. Tín hiệu thanh khoản giảm mạnh trong các phiên thị trường phục hồi tăng nhẹ là dấu hiệu cho thấy bên bán đang thắng thế và thị trường thiên về chiều giảm.

Bộ các đường EMA (5) EMA (30) và bollinger band là tín hiệu báo sớm về mặt xu thế. Hiện tại, EMA (5) đang đi xuống và bám sát đường giá, trạng thái của EMA ngăn ngừa cho thấy hướng giảm vẫn có thể tiếp diễn. Tuy nhiên bollinger band cũng đang thu hẹp lại và giới hạn độ rộng của dải này thể hiện rằng khả năng chỉ số sẽ không giảm quá sâu.

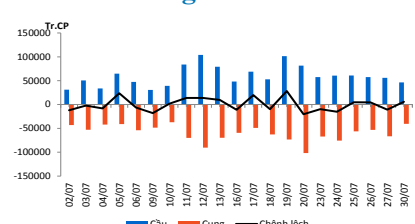
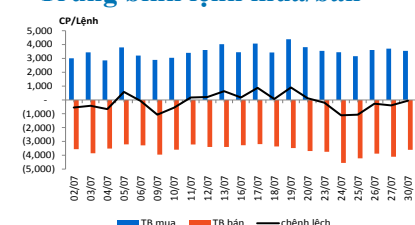
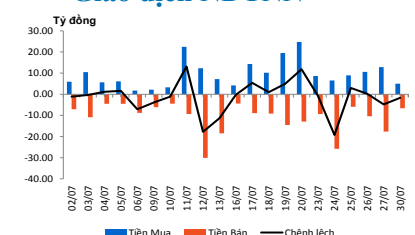
HNX-index có hỗ trợ mạnh tại vùng 65 điểm, kháng cự mạnh tại 72 điểm. NĐT nên ngừng bán để quan sát nêu như HNX-Index về sát ngưỡng hỗ trợ mạnh tại 65 điểm trong những phiên sắp tới, ngược lại cũng không nên mua vào nếu như chỉ số tăng điểm mà thanh khoản lại giảm như những phiên vừa qua.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Sau 15 phút giao dịch, VN-Index đánh mất gần 2.6 điểm, ứng với 0.63% rớt xuống 410.57 điểm. Giao dịch chưa đến 1 triệu đơn vị. Các trụ cột như GAS, VIC, VCB không giảm sàn nhưng đều mất hơn 1% giá trị. Các bluechips khác cũng quay đầu giảm như BVH, HAG, KDC, CTG, DPM, PVF... còn MSN, SSI đứng giá. Thị trường chỉ có 18 mã tăng, 55 mã giảm và 40 mã đứng giá.

Nửa cuối phiên giao dịch buổi sáng, với sự dẫn dắt của nhóm bluechips, thị trường tạm khép lại với sắc xanh mặc dù giao dịch vẫn chưa thấy dấu hiệu khởi sắc. VN-Index tạm khép lại buổi sáng với mức tăng 1.79 điểm, tương đương 0.43% đạt 414.95 điểm. Giao dịch buổi sáng đạt 17.4 triệu đơn vị, tương đương 309.84 tỷ đồng.

Cả buổi chiều, chỉ có thêm 100 tỷ đồng được giao dịch tại HOSE, nâng thanh khoản cả phiên lên 26.7 triệu đơn vị, trị giá gần 462 tỷ đồng. Trong đó, riêng giao dịch thỏa thuận đã chiếm 3 triệu đơn vị, tương ứng 74.3 tỷ đồng. VN-Index chốt phiên tại 415 điểm, tăng 0,44%.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

15 phút đầu phiên giao dịch, HNX-Index ghi nhận mức giảm 0.2 điểm, tức 0.29% xuống 69.15 điểm. Giao dịch đạt trên 1.67 triệu đơn vị, tương đương 13.53 tỷ đồng. Các mã chủ chốt đều giảm. Thị trường chỉ có 25 mã tăng giá, 40 mã giảm, còn lại 331 mã vẫn đứng yên.

Kết thúc phiên buổi sáng, Áp lực giảm của HNX-Index cũng được rút ngắn còn 0.05 điểm, tức chỉ giảm 0.07% so với tham chiếu khi các mã chủ chốt như VND, PVX, KLS, SCR... trong khi VCG, BVS... tăng nhẹ. Số mã tăng giá chiếm 64, còn lại là 85 mã giảm và 247 mã đứng yên. Thanh khoản xuống mức thấp với 15.57 triệu đơn vị, tương đương gần 165 tỷ đồng.

Trong một vài phút cuối phiên, HNX-Index cũng nỗ lực đảo chiều thành công, với mức tăng nhẹ 0.1 điểm, ứng với 0.14% đạt 69.45 điểm. Thị trường ghi nhận hơn 90 mã tăng giá, ngược lại có 104 mã giảm và 200 mã đứng yên. Khối lượng giao dịch bám sát theo HOSE, với hơn 25 triệu đơn vị, tương đương 248.3 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 11 cổ phiếu giảm giá, 10 cổ phiếu đứng giá và 7 mã tăng giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PXM (giảm 4%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,34% và tổng khối lượng giao dịch đạt 4,765 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 30/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,500.0	-	0.00	0.48	14.86	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,400.0	1,200	0.00	0.33	30.91	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,200.0	148,100	0.00	0.25	0.41	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,300.0	272,500	-0.49	1.67	1.35	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	8,900.0	57,800	0.00	0.83	5.63	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,800.0	25,000	-2.04	0.47	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,500.0	127,600	-0.68	0.86	2.17	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,800.0	24,000	0.93	1.89	4.93	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,700.0	214,300	0.00	0.69	7.70	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,700.0	12,200	1.83	0.72	8.43	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,100.0	600	-1.92	0.49	2.39	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,200.0	396,800	0.00	1.28	4.06	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,400.0	2,180,726	0.00	0.37	3.16	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,200.0	36,800	1.03	3.16	12.56	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	36,400.0	228,840	-0.82	2.18	5.88	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,000.0	2,920	0.00	1.19	3.16	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,300.0	6,560	1.39	0.63	5.33	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,000.0	73,070	-0.83	0.68	2.96	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37,200.0	67,160	0.54	1.82	5.25	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,200.0	98,410	-2.33	0.41	3.26	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,700.0	68,670	-0.30	1.14	6.62	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	11,800.0	490,900	0.85	1.04	14.94	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,000.0	162,670	0.00	0.51	45.45	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,900.0	22,180	-1.67	0.57	3.93	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,800.0	22,640	-4.00	0.43	2.50	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,600.0	18,760	0.95	0.80	3.18	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,300.0	5,560	-1.85	0.49	3.49	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	22,900	23,200	1.31	95,537,977
VNM	87,000	89,000	2.30	20,194,885
VIC	77,500	77,500	0.00	15,377,470
OGC	12,300	12,700	3.25	14,228,377
BVH	41,200	41,200	0.00	11,262,006

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	10,900	10,900	0.00	36,297
SVN	41,800	41,800	0.00	23,959
PVX	8,400	8,400	0.00	18,212
SCR	10,400	10,400	0.00	18,176
KLS	10,000	9,900	-1.00	16,250

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
EVE	20,000	21,000	1,000	5.00
KAC	12,300	12,900	600	4.88
TRA	72,500	76,000	3,500	4.83
DHM	20,800	21,800	1,000	4.81
FCN	16,800	17,600	800	4.76

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
S55	20,100	21,500	1,400	6.97
SAP	11,900	12,700	800	6.72
DHT	25,500	27,200	1,700	6.67
V15	4,500	4,800	300	6.67
SMT	4,500	4,800	300	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,600	1,500	-100	-6.25
ABT	42,000	39,900	-2,100	-5.00
ALP	8,000	7,600	-400	-5.00
BCI	20,400	19,400	-1,000	-4.90
RAL	31,000	29,500	-1,500	-4.84

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
V11	1,400	1,300	-100	-7.14
AME	2,900	2,700	-200	-6.90
VMC	17,500	16,300	-1,200	-6.86
TST	6,000	5,600	-400	-6.67
PMS	7,500	7,000	-500	-6.67

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DHG	25,772	DHG	25,788
VIC	10,883	KDC	6,435
KDC	6,158	VIC	3,853
VNM	2,991	VNM	2,532
MBB	2,491	DRC	2,164

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	2,196	PVS	1,514
DXP	492	AAA	1,028
PVS	457	VNR	898
PVX	419	SDT	625
VCG	205	PVX	360

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339